

Bản án số: **139/2026/DS-ST**
Ngày: 21 – 4 - 2026
V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Thừa.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Trọng Nghĩa;

2. Ông Nguyễn Văn Vẹn.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Mai Vân Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đồng Tháp.

Ngày 21 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 54/2026/TLST-DS ngày 19 tháng 01 năm 2026 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 224/2026/QĐXX-ST ngày 01 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Diệp E, sinh năm 1977; CCCD số: 082177011882; Địa chỉ: **ấp B, xã B, tỉnh Đồng Tháp.**

* Đại diện theo ủy quyền: Chị Đỗ Ngọc V, sinh năm 1987; CCCD số: 082187016648; Địa chỉ: **ấp N, xã B, tỉnh Đồng Tháp.** (có mặt)

(Theo văn bản ủy quyền ngày 07/7/2025)

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Nhật T, sinh năm: 1995; CCCD số: 082095008381; Địa chỉ: **ấp B, xã A, tỉnh Đồng Tháp.** (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tố tụng đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Diệp E trình bày:*

Vào ngày tháng 6/2021 chị Em có cho anh T vay 04 lần, thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, trả lãi hàng tháng, cụ thể:

+ Lần 1: vào ngày 10/6/2021, vay số tiền 50.000.000 đồng, thỏa thuận đến ngày 30/6/2021 trả vốn.

+ Lần 2: vào ngày 17/6/2021, vay số tiền 40.000.000 đồng, thỏa thuận đến ngày 31/6/2021 trả vốn.

+ Lần 3: vào ngày 22/6/2021, vay số tiền 70.000.000 đồng, thỏa thuận đến ngày 15/7/2021 trả vốn.

+ Lần 4: vào ngày 23/6/2021, vay số tiền 200.000.000 đồng, thỏa thuận đến ngày 23/7/2021 trả vốn.

Tuy nhiên sau khi vay thì anh **T** không thực hiện việc trả tiền theo thỏa thuận. Do quyền lợi bị xâm phạm nên chị Em yêu cầu bị đơn anh **T** trả cho chị số tiền vốn 360.000.000 đồng sau khi án có hiệu lực pháp luật.

** Tại bản tự khai, quá trình tố tụng bị đơn anh **Nguyễn Nhật T** trình bày:*

Anh **T** thừa nhận vào năm 2021 có vay của chị Em số tiền 360.000.000 đồng và có lập giấy tay vay tiền do anh ký tên. Tuy nhiên anh đã trả nợ xong cho chị Em, do tin tưởng nên anh không có yêu cầu làm giấy trả nợ. Hiện tại anh không còn nợ chị Em nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại **xã A** nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đồng Tháp.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn để tranh chấp tiền nợ vay. Căn cứ vào Điều 463 Bộ luật Dân sự nên quan hệ pháp luật là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

[3]. Về nội dung vụ án:

Chị Em yêu cầu bị đơn anh **T** trả cho chị số tiền 360.000.000 đồng. Bị đơn anh **T** không đồng ý trả cho chị Em với lý do anh đã thanh toán nợ xong.

Hội đồng xét xử nhận thấy giao dịch vay tiền giữa các bên đương sự trong vụ án là có thật, thể hiện qua các biên nhận tiền mà nguyên đơn đã cung cấp, cụ thể: vào ngày 10/6/2021, vay số tiền 50.000.000 đồng; vào ngày 17/6/2021, vay số tiền 40.000.000 đồng; vào ngày 22/6/2021, vay số tiền 70.000.000 đồng; vào ngày 23/6/2021, vay số tiền 200.000.000 đồng. Tổng cộng là 360.000.000 đồng.

Anh **T** thừa nhận vào năm 2021 có vay của chị Em số tiền 360.000.000 đồng và có lập giấy tay vay tiền do anh ký tên, nhưng anh cho rằng đã trả nợ xong cho chị Em, do tin tưởng nên anh không có yêu cầu làm giấy trả nợ. Hiện tại anh không còn nợ chị Em nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện. Tại phiên tòa anh **T** chỉ cung cấp được các lần chuyển tiền từ tài khoản của anh **T** số: 070073913894 tại

Ngân hàng Thương mại cổ phần S (S1) chi nhánh T1 đến tài khoản của chị Em số: 1012665108 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần N (V1), theo các ủy nhiệm chi ngày 30/7/2021 chuyển 15.000.000 đồng, ngày 05/8/2021 chuyển 6.000.000 đồng, tổng cộng là 21.000.000 đồng, ngoài ra không còn chứng cứ nào khác.

Nguyên đơn chị Em cho rằng số tiền 21.000.000 đồng mà chị nhận của anh T vào năm 2021 theo các ủy nhiệm chi trên là của khoản vay khác, không phải nằm trong khoản vay 360.000.000 đồng. Tuy nhiên ngoài lời trình bày ra thì nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc anh T trả số tiền 21.000.000 đồng nằm ở khoản vay khác. Do đó, có căn cứ anh T đã thanh toán được cho chị Em 21.000.000 đồng tiền vốn, còn nợ lại 339.000.000 đồng.

Xét thấy số tiền trên anh T nợ đã lâu, khi vay tiền các bên đã thỏa thuận trong vòng 01 tháng sẽ trả vốn. Tuy nhiên anh T đã không trả tiền cho chị Em đúng quy định, nên đã vi phạm thỏa thuận giữa các bên, vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay tài sản theo Điều 466 Bộ luật Dân sự. Chị Em đã nhiều lần yêu cầu anh T trả vốn nhưng đến nay bị đơn vẫn chưa thực hiện. Do bị đơn là người có lỗi, cho nên buộc anh T trả hết số tiền vốn 339.000.000 đồng còn lại là phù hợp quy định pháp luật.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Em.

[4]. Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[5]. Về quyền kháng cáo của đương sự: Được thực hiện theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị **Nguyễn Thị Diệp E**.

Buộc anh **Nguyễn Nhật T** có nghĩa vụ trả cho chị Em tổng cộng 339.000.000 đồng sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu

phần tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí:

- Anh **Nguyễn Nhật T** phải chịu 16.950.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- Chị **Nguyễn Thị Diệp E** phải chịu 1.050.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001107 ngày 19 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp. **H** lại cho chị **Nguyễn Thị Diệp E** 7.950.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND tỉnh ĐT;
- THADS tỉnh ĐT;
- VKSND KV1 - ĐT;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.



Đã ký

Nguyễn Văn Thừa